Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2884 /QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 2962/TTr-SGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ 08 thủ tục hành chính phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải, theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử *(kèm theo Danh mục)*.

Điều 2. Căn cứ Danh mục hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, làm cơ sở cho công chức của Sở Giao thông vận tải (hoặc nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được giao đảm nhận nhiệm vụ tiếp nhận, trả kết quả và số hóa hồ sơ) làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức thực hiện xử lý, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải)*;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi

DANH MỤC
THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) PHẢI SỐ HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2884 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên thành phần hồ sơ	Mã số thành phần hồ sơ	Số Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
I	**Lĩnh vực Hoạt động xây dựng *(02 TTHC)***				
1	1.009972.000.00.00.H51	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ	000.00.00.G17-KQ001999	Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 27 tháng 05 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
			Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư	000.00.00.G17-KQ002000	
			Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)	000.00.00.G17-KQ002001	

			Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng	000.00.00.G17 -KQ002002	
			Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)	000.00.00.G17 -KQ002004	
2	1.009973.000	Thẩm định thiết kế	Tờ trình thẩm định Thiết kế xây	000.00.00.G17	Quyết định số 1033/QĐ-UBND

	.00.00.H51	xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ	-KQ002009	ngày 27 tháng 05 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
			Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường) và các văn bản khác có liên quan	000.00.00.G17 -KQ002010	
			Đối với thiết kế triển khai sau thiết	000.00.00.G17	

			kế cơ sở điều chỉnh, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng)	-KQ002015	
II	**Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng *(01 TTHC)***				
1	1.009794.000.00.00.H51	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	000.00.00.G17-KQ1492	Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh.
III	**Lĩnh vực Đường bộ *(02 TTHC)***				
1	1.001896.000.00.00.H51	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp	000.00.00.G04-KQ0802	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 31 tháng 05 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
2	1.001826.000.00.00.H51	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất)	000.00.00.G04-KQ0784	
IV	**Lĩnh vực Đường thủy nội địa *(02 TTHC)***				
1	1.009449.000	Công bố hoạt động	Bình đồ khu vực khu neo đậu	000.00.00.G04	Quyết định số 1026/QĐ-UBND

	.00.00.H51	khu neo đậu		-KQ3203	ngày 07 tháng 05 năm 2021 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải.
2	1.009448.000 .00.00.H51	Thiết lập khu neo đậu	Bình đồ khu vực dự kiến thiết lập khu neo đậu: phải thể hiện phạm vi khu neo đậu, cao trình đáy, vị trí luồng, công trình liền kề (nếu có) trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và hệ cao độ nhà nước, tỷ lệ bản vẽ từ 1/500 đến 1/2.000	000.00.00.G04 -KQ3199	
V	**Lĩnh vực Đăng kiểm *(01 TTHC)***				
1	1.001322.000 .00.00.H51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể và mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền và thiết bị kiểm tra	000.00.00.G04 -KQ003942	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.